Mùa Xuân năm 1975, “cuộc chiến tranh dài ngày nhất trong lịch sử nước Mỹ” kết thúc. Sau 40 năm, quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ có nhiều biến đổi, từ đối đầu sang đối thoại, từ quan hệ thù địch sang quan hệ bạn bè, từ đối tượng sang đối tác, rồi phát triển thành quan hệ đối tác toàn diện (2013). Những thế hệ mới người Việt Nam được sinh ra và lớn lên chiếm 75% dân số. Cuộc sống tưởng như đã trở lại bình yên với sự hồi sinh của màu xanh trên khắp mọi miền đất nước. Nhưng, hậu quả chiến tranh vẫn còn hiển hiện, từ thương tích trên cơ thể những cựu chiến binh và dân thường, những bệnh tật và dị tật của nạn nhân chất độc hoá học, đến sự ly tán trong nhiều gia đình; từ những thảm thực vật hoàn toàn biến dạng, đến những vùng đất bị nhiễm độc hoặc có bom mìn còn sót lại... Nhân dân Việt Nam vẫn đang phải gồng sức trong cuộc vật lộn với hậu quả khắc nghiệt của chiến tranh.

**1. Sự tổn thất về sinh mạng vì những mục tiêu đối lập nhau giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong chiến tranh**

Tiến hành cuộc chiến xâm lược Việt Nam, một cuộc chiến tranh dài ngày nhất trong lịch sử nước Mỹ, các chính quyền Mỹ qua 5 đời Tổng thống (Aixenhao, Kenơđy, Giônxơn, Nichxơn, Pho) với lý do đảm bảo “an ninh quốc gia”, nhằm chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt nằm trong “thế giới tự do”, đối lập với “phe cộng sản”, đã huy động một lực lượng lớn quân Mỹ và 5 nước đồng minh của Mỹ trực tiếp tham chiến, sử dụng hầu hết các chiến lược chiến tranh (trừ chiến tranh tổng lực), hầu hết vũ khí hiện đại (trừ vũ khí hạt nhân) với những khoản chi phí chiến tranh khổng lồ. Trong lịch sử chiến tranh thế giới, Việt Nam là đất nước bị ném nhiều bom nhất. Số bom Mỹ ném xuống Việt Nam gần gấp 3 tổng số bom sử dụng trong Chiến tranh thế giới thứ thứ hai, trong cái gọi là chính sách "lunarization" (mặt trăng hóa).

Nghiêm trọng hơn, Mỹ đã sử dụng vũ khí hoá học, tiến hành khai quang rừng núi và đồng ruộng ở miền Nam bằng chiến dịch Ranch Hand, biến nhiều vùng rừng núi nhiệt đới rậm rạp với nhiều tầng thực vật khác nhau ở miền Nam Việt Nam thành đồi, núi trọc; biến nhiều vùng rừng ngập mặn thành các bãi hoang trống, triệt hạ các căn cứ của Quân Giải phóng và du kích; hủy diệt mùa màng, nhằm cắt nguồn tiếp tế của lực lượng cách mạng; đồng thời cưỡng bức, dồn dân vào các trại tập trung hoặc những vùng do Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hoà kiểm soát.

Tùy theo nguồn tin, có từ 3 đến 5 triệu người Việt Nam bị chết trong chiến tranh, hàng triệu người khác bị thương và tàn tật. Những người còn sống tiếp tục phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng về kinh tế, xã hội và môi trường mà cuộc chiến đã gây ra, trong đó tỷ lệ dị dạng bẩm sinh ở Việt Nam là cao nhất thế giới.

Số liệu về thương vong của phía Việt Nam được chính thức công bố gần đây nhất là gần 2 triệu thường dân chết; hơn 2 triệu thường dân mang thương tật suốt đời; khoảng 2 triệu người (gồm cả quân nhân) phơi nhiễm các loại hóa chất độc hại. Lực lượng Quân đội Nhân dân Việt Nam (bao gồm cả Quân Giải phóng miền Nam) có khoảng 1,1 triệu quân nhân hy sinh trong những trường hợp khác nhau (trực tiếp chiến đấu trên chiến trường, gặp tai nạn, ốm đau trên đường hành quân), 600.000 quân nhân bị thương hoặc bị bệnh. Trong số hy sinh, có 300.000 quân nhân chưa tìm được hài cốt. Tính chung 30 năm chiến tranh cách mạng chống xâm lược Pháp và Mỹ (1954-1975) và các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc chống Khơ me Đỏ và Trung Quốc xâm lược ở [biên giới Tây Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_tranh_bi%C3%AAn_gi%E1%BB%9Bi_T%C3%A2y_Nam) và [biên giới](http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_tranh_bi%C3%AAn_gi%E1%BB%9Bi_Vi%E1%BB%87t-Trung)phía Bắc (1978-1979), cùng một số chiến dịch chống thổ phỉ và [FULRO](http://vi.wikipedia.org/wiki/FULRO)), Việt Nam có trên 1.140.000 liệt sĩ.

Những tổn thất về con người không phải là cơ sở để khẳng định bên nào thắng hay thua trong chiến tranh, nhưng chắc chắn Việt Nam phải chịu nhiều đau thương, tổn thất nhất vì những vũ khí hiện đại và cường độ đánh phá ác liệt của quân đội Mỹ.

**2. Hậu quả đau đớn kéo dài nhiều thế hệ của chiến tranh hoá học, nhất là chất độc màu da cam/điôxin**

Chất độc da cam vẫn đang phá hủy sức khỏe và cuộc sống của hàng triệu người dân Việt Nam, tạo nên nỗi kinh hoàng cho nhiều thế hệ. Những đứa trẻ vô tội, tật nguyền, vừa chào đời đã phải lìa đời hoặc nếu sống thì sức khoẻ, trí tuệ và cả hình hài đều không bình thường. Những sinh linh vô tội ấy trở thành nỗi ám ảnh, đau đớn của người thân, gia đình và toàn xã hội. Tại Hội thảo Quốc tế lần thứ hai bàn về *Chất độc hóa học diệt cỏ do Mỹ sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam và tác hại lâu dài của nó đối với thiên nhiên và con người* được tổ chức tại Hà Nội (1993), nhiều nhà khoa học Việt Nam và thế giới khẳng định: “Chất độc da cam của Mỹ đã hủy diệt thiên nhiên cây cỏ, hủy diệt sức khỏe con người, gây nhiều bệnh tật nặng nề, gây nên nhiều biến đổi gien di truyền qua mẹ hoặc qua bố, gây tai biến sinh sản, quái thai, dị dạng, dị tật của nhiều đứa con sinh ra, gây các bệnh ung thư…”.

Ở Việt Nam, có khoảng 150.000 trẻ em bị dị dạng ngay từ khi mới sinh ra, do cha mẹ của chúng bị phơi nhiễm chất da cam. Khoảng ba triệu người Việt Nam bị phơi nhiễm điôxin trong chiến tranh và ít nhất có một triệu người đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ chất độc da cam. Nhiều người trong số họ là các cựu chiến binh. Những người khác thuộc thế hệ thứ hai hoặc thứ ba. Nhiều người trong những nạn nhân này sống ở những vùng lân cận với các căn cứ quân sự của Mỹ trước đây, nhất là Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai), khu vực sân bay Đà Nẵng, nơi vẫn còn tồn đọng một lượng lớn chất độc da cam.

Theo Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Đà Nẵng, thành phố có trên 5.000 người bị nhiễm điôxin, trong số đó có hơn 1.400 trẻ em, phần lớn bị dị tật nặng, không thể tự chăm sóc được mình.

Theo giáo sư Nguyễn Trọng Nhân, Phó chủ tịch Hội Chữ thập Đỏ Việt Nam (VAVA), “hậu quả do chất độc da cam gây ra tồi tệ hơn nhiều so với tất cả những gì mà người ta nghĩ tới khi chiến tranh kết thúc”. Hiện vẫn còn những đứa trẻ sinh ra bị dị tật do tác động của loại chất độc này. Những nạn nhân chất độc da cam đang phải sống đau đớn vì bệnh tật. Những người làm cha mẹ vẫn muốn có một mái ấm gia đình và hưởng hạnh phúc có con, những người con tật nguyền phải từng giây, từng phút chống đỡ với dị tật bẩm sinh. Mặc dù vậy, họ vẫn yêu cuộc sống, vẫn khát khao được thấy ánh sáng mặt trời, vẫn hi vọng vào những điều tốt đẹp và muốn làm được việc hữu ích.

Việc sử dụng chất độc hóa học đã cướp đi sự sống và quyền sống bình thường của con người. Theo ước tính, có khoảng 4,8 triệu người Việt Nam bị nhiễm chất độc da cam/dioxin, sống tập trung tại các tỉnh dọc [đường Trường Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng_Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_S%C6%A1n) và biên giới Việt Nam với [Campuchia](http://vi.wikipedia.org/wiki/Campuchia). Hàng trăm nghìn người trong số đó đã qua đời. Hàng triệu người và cả con cháu của họ đang phải sống trong bệnh tật, nghèo khó do di chứng của chất độc da cam.

Một kết quả xét nghiệm được công bố ngày 25-8-2012 cho biết, 100% mẫu máu của 62 người sống ở hai quận Hải Châu và Thanh Khê (gần sân bay Đà Nẵng), được chọn ngẫu nhiên, không có trong danh sách nạn nhân chất độc da cam, không có biểu hiện bị nhiễm điôxin như những nạn nhân khác, đều nhiễm chất độc điôxin. Đây là kết quả được tiến hành từ năm 2006, do Dự án khảo sát và giải quyết ô nhiễm điôxin tại Đà Nẵng (DDAMP), Quỹ Ford tài trợ, do các thành viên Công ty Tư vấn Hatfield, Văn phòng 33 của Chính phủ và Bộ Y tế thực hiện. Kết quả đó hoàn toàn bất ngờ và cho phép nghĩ đến một con số người bị nhiễm chất độc vượt xa hơn rất nhiều so với mọi tính toán từ trước. Nhiều người dân muốn được xét nghiệm nhưng lo sợ vì kinh phí quá lớn, cũng như không biết phải bắt đầu từ đâu.

**3. Những biến đổi môi trường sinh thái ở Việt Nam - sự tàn phá ghê gớm của chiến tranh**

*Sự tàn phá môi trường* do Mỹ gây ra lớn đến mức đã làm phát sinh một từ tiếng Anh mới, *ecocide* (hủy diệt sinh thái). Từ năm 1961 đến năm 1971, quân đội Mỹ tiến hành ở Việt Nam một cuộc chiến tranh hoá học với quy mô lớn nhất trong lịch sử chiến tranh thế giới. Chất độc da cam mà quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam nhằm làm rụng lá cây rừng để “vô hiệu hóa sự ngụy trang của Việt Cộng” chứa một trong những chất độc hại nhất, chất điôxin (TCCD) với nồng độ độc cao, từ  3 đến 4 mg/l. Khoảng 80 triệu lít chất diệt cỏ và phát quang được rải xuống 24,67% tổng diện tích lãnh thổ Nam Việt Nam, trong đó phần lớn là chất độc màu da cam[]](http://www.ussh.vnu.edu.vn/d6/vi-VN/news2/Hau-qua-cua-cuoc-chien-tranh-Viet-Nam-1954-1975-may-van-de-ban-luan-6-616-11757" \l "_ftn21" \o "), với thời gian bán phân huỷ ước tính khoảng 15 đến 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Số lượng rất lớn chất độc hoá học với nồng độ cao, được rải đi rải lại nhiều lần, không những đã làm chết các loài động, thực vật, mà còn gây ô nhiễm môi trường trong một thời gian dài và làm đảo lộn các hệ sinh thái tự nhiên. Toà án Bertrand Roussel cũng như Hội nghị Pari năm 1970 lần đầu tiên tố cáo trước dư luận thế giới sự tàn khốc của cuộc chiến tranh hoá học của Mỹ tại Việt Nam; gọi đó là "cuộc chiến tranh huỷ diệt môi trường, huỷ diệt hệ sinh thái và con người".

Các chất độc hóa học đã được rải từ vĩ tuyến 17 tới tận mũi Cà Mau, tập trung ở nhiều nơi khác nhau như: khu vực hàng rào điện tử Mắc Namara (thuộc tỉnh Quảng Trị), A Lưới (tỉnh Thừa Thiên - Huế), Sa Thầy (tỉnh Kon Tum), khu Cần Giờ (thành phố Hồ Chí Minh) và Cà Mau.

Môi trường ô nhiễm điôxin ở Việt Nam rất rộng, chỉ tính riêng ở khu vực sân bay Đà Nẵng đã có tới 73 000 mét khối đất và trầm tích bị nhiễm điôxin. Ước tính có khoảng 366 kg điôxin được phun rải xuống miền Nam Việt Nam, chủ yếu là vùng nông thôn. Dấu vết của điôxin vẫn được tìm thấy trong đất ở hầu hết các vùng bị nhiễm nặng - khoảng 25 “điểm nóng”. Chất điôxin đã gây tác động nặng nề tới môi trường và dân cư địa phương. Các nghiên cứu tại một vài điểm nóng như sân bay A So (Thừa Thiên – Huế), Đà Nẵng, Biên Hòa chỉ ra rằng, chất điôxin vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới sức khỏe người dân sống tại các vùng này.

Sự phá hủy cảnh quan tự nhiên trong chiến tranh là điều không mới mẻ, nhưng phạm vi của sự phá hủy tự nhiên trong chiến tranh Việt Nam là điều chưa từng xảy ra trong lịch sử nhân loại.

Quân đội Mỹ đã tàn phá môi trường trên quy mô rộng lớn và kéo dài trong nhiều năm, một cách đồng bộ, làm cho nhiều hệ sinh thái tự nhiên với diện tích rộng lớn ở Việt Nam bị phá hủy. Trước chiến tranh, rừng miền Nam Việt Nam có diện tích bao phủ là 10,3 triệu ha. Diện tích các khu vực bị phun rải chiếm 24% diện tích Nam Việt Nam, 86% lượng chất độc hóa học được rải lên đất rừng, 14% còn lại được rải lên đất nông nghiệp mà chủ yếu là đất trồng lúa. Hơn 2 triệu ha đất rừng đã bị phá hủy. Theo các chuyên gia môi trường, tác động của chất độc hóa học rất đa dạng, phá hủy trên 150.000 ha rừng ngập mặn và khoảng 130.000 ha rừng tràm của vùng châu thổ sông Mê Kông và hàng trăm nghìn ha đất rừng nội địa.

Chất diệt cỏ rải với nồng độ cao không chỉ phá hủy thành phần dinh dưỡng trong đất, làm cho đất bị cằn cỗi, mà với điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa, các khu rừng rất khó có thể tự phục hồi được.

Kết quả bước đầu cho biết, trên 3,3 triệu ha đất đai tự nhiên bị rải chất độc (với chiều rộng băng rải là khoảng 1.000m), trong đó rừng nội địa bị tác động nặng nề với nhiều mức độ khác nhau, làm tổn thất trên 100 triệu m3 gỗ, trong đó vùng Đông Nam Bộ là một vùng có trên 50% diện tích tự nhiên bị tác động. Chiến khu D, Chiến khu C, rừng Bời Lời, rừng Củ Chi... là những vùng đã bị rải hàng triệu lít chất độc cùng với hàng triệu tấn bom đạn, trong đó có nhiều khu rừng đã bị triệt phá hoàn toàn như khu Mã Đà, thuộc tỉnh Đồng Nai, khu Phú Bình, Bù Gia Mập thuộc tỉnh Bình Phước.

Khoảng 10 đến 15 triệu hố bom, chiếm 1% diện tích rừng Nam Việt Nam, gây nên sự bất ổn mặt đất, làm cho đất dễ bị xói mòn do mưa. Hậu quả này còn tác động xấu tới 28 lưu vực sông ở miền Trung Việt Nam: Có 16 lưu vực, trong đó rừng bị phá hủy chiếm tới 30% tổng diện tích tự nhiên; 10 lưu vực mất 30 – 50% diện tích rừng, và 2 lưu vực mất hơn 50%. Hầu hết các con sông này đều ngắn và chảy theo địa hình phức tạp và có ảnh hưởng trực tiếp tới các khu vực hạ lưu. Hàng mấy chục năm sau khi chiến tranh kết thúc, lũ lụt vẫn thường xuyên tàn phá lưu vực các sông Hương, Thạch Hãn, Hàn, Thu Bồn, Trà Khúc, Côn, Vệ, Cầu và Ba, dẫn tới thiệt hại lớn về người và của. Những hậu quả bi thảm đó vẫn còn dai dẳng kéo dài chưa có hồi kết.

Chiến tranh kết thúc, nhưng trên cả nước Việt Nam có khoảng 66.000 km2 còn tồn đọng vật liệu bom, mìn. Ước tính có khoảng hơn 600.000 tấn bom mìn đang tồn tại dưới mặt đất, rải rác trên khắp cả nước, đặc biệt là các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi… Số bom mìn được tháo gỡ mới chỉ được khoảng 20%. Bình quân mỗi năm khoảng 20.000 ha đất được rà phá. Với tiến độ này, phải 300 năm nữa mới có thể loại bỏ được hết các loại bom mìn chưa nổ. Bom mìn còn sót lại sau chiến tranh vẫn tiếp tục gây tổn thất nặng nề về sinh mạng, tài sản, đời sống của người dân, cướp đi mạng sống của 10.529 người, làm 12.231 người bị thương, trong đó 25% là trẻ em lứa tuổi từ 14 trở xuống, ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển kinh tế – xã hội.